

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **198/2017/HSST**
Ngày: 29/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Trương Văn Minh**

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Tô Thu Thủy – KSV.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 222/2017/HSST ngày 07/12/2017 đối với các bị cáo:

1. PHẠM VĂN S, sinh năm 1977.

Nơi ĐKNKTT + chỗ ở: thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Con ông Phạm Văn D, con bà Phạm Thị B; có vợ: Vũ Thị H, có 02 con sinh năm 2007 và 2011;

Tiền án, tiền sự: không.

Danh, chỉ bản số 0346 lập ngày 11/10/2017 tại Công an huyện Thanh Trì.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. PHẠM NGỌC T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Đội 1 thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: kinh; Con ông Phạm Văn T (đã chết), con bà Phạm Thị H;

Tiền sự: có 01 tiền sự về cai nghiện bắt buộc (năm 2010).

Tiền án: không.

Danh, chỉ bản số 0347 lập ngày 11/10/2017 tại Công an huyện Thanh Trì.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. ĐẶNG XUÂN Đ, sinh năm 1997.

Nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Đội 3, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: kinh; Con ông Đặng Xuân Q, con bà Vũ Thị N.

Tiền án, tiền sự: không.

Danh, chỉ bản số 0382 lập ngày 13/11/2017 tại Công an huyện Thanh Trì.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm 10, xã Y, huyện T, Hà Nội (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức T – sinh năm 1962

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/05/2017 Phạm Ngọc T, Trần Minh H, Phạm Văn S, Đặng Xuân Đ cùng anh Phạm Hữu D (SN: 1973) và Phạm Văn N (SN 1968) cùng HKTT: thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội ngồi uống nước ở Đội 1, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội. S có nói chuyện về việc xe ô tô vận tải chở đất vào bãi thuộc xã Y, huyện T, Hà Nội (giáp ranh với thôn Đ, xã D) gây tiếng ồn và bụi ảnh hưởng đến khu vực mà S đang sinh sống. T nêu ý kiến với S về việc đốt căn lều ở của người bảo vệ và chỉ dấu cho xe tải vào đổ đất tại bãi được dựng trong khu đất trang trại của ông Nguyễn Văn K (SN:1962, HKTT: Xóm 10, xã Y, huyện T, Hà Nội) thuộc xã Y. S nói: “mày đốt đi, tao cho mày 500.000 đồng”, nghĩa là nếu T đốt căn lều trên thì S sẽ cho T số tiền 500.000 đồng. T đồng ý.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T rủ Đ, H đi đốt căn lều và có nói khi nào đốt xong S sẽ cho 500.000 đồng. H và Đ đều đồng ý. Sau đó T đi lấy đèn pin đưa cho H cầm để soi khi đi đốt lều. Cùng lúc này, anh Phạm Văn Q (tên gọi khác là C, sinh năm 1989; HKTT: xã D, huyện T, Hà Nội) điều khiển xe máy đi đến gần chỗ các bị cáo đang ngồi uống nước. T nhặt 01 chiếc vỏ chai nhựa gần đấy rồi đi đến chỗ anh Q xin 01 chai xăng. Khi xin xăng, T không nói cho anh Q biết xin xăng để làm gì. Anh Q đồng ý và lấy xăng từ xe của mình đổ đầy chai nhựa của T đưa. Sau đó, T, Đ, H đi bộ đến căn lều trên. T đưa chai xăng cho Đ, H thấy bên trong lều lúc đó có ông Nguyễn Đức T (SN: 1962; HKTT: xã B, huyện B, Hải Dương) là bảo vệ của trang trại. H quát đuổi ông T ra ngoài, sau khi ông T chạy ra ngoài, H cầm đèn

pin soi cho Đ cầm chai xăng tưới vào lều còn T cầm bật lửa châm đốt căn lều. Khoảng 15 phút căn lều bị cháy rụi hoàn toàn. Sau đó T, Đ, H quay lại chỗ ghế đá đã ngồi nói chuyện trước đó ngồi chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì cả ba đi về nhà.

Đến khoảng 19h45' ngày 29/5/2017, T gặp S và thông báo cho S biết việc T đã đốt căn lều và yêu cầu S trả cho T số tiền 500.000 đồng như đã hứa. Lúc này, S chỉ có 200.000 đồng nên đã vay của anh Phạm Xuân M (SN: 1985; HKTT: xã D, huyện T, Hà Nội) 300.000 đồng và đưa cả 500.000 đồng cho T. Sau khi lấy được tiền, T đi đến xã V, huyện T, Hà Nội gặp Đ và H. T đưa toàn bộ số tiền này cho H, vì trước đó H đã ứng tiền để H, T và Đ cùng chi tiêu.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T thì tài sản của các ông bị thiệt hại gồm có: 01 chiếc bật da, 01 chiếc bật dứa, 180 chiếc phen nứa, 160 cây tre hóp, 02 chiếc bàn gỗ, 02 chiếc quạt điện và một số vật dụng khác.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 167 ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Trì kết luận số tài sản bị thiệt hại như sau: 02 chiếc quạt điện cơ trị giá 300.000 đồng; 02 chiếc chảo inox trị giá 100.000 đồng; 02 chiếc nồi cơm điện trị giá 200.000 đồng; 02 chiếc bàn nhựa trị giá 100.000 đồng; 01 chiếc ấm đun siêu tốc trị giá 50.000 đồng; 06 chiếc ghế nhựa trị giá 120.000 đồng; 01 chiếc bật dứa trị giá 1.300.000 đồng; 02 chiếc bàn gỗ trị giá 1.000.000 đồng; 01 chiếc bật da trị giá 3.500.000 đồng; 04 chiếc bình nước lọc trị giá 100.000 đồng; 180 chiếc phen nứa trị giá 2.340.000 đồng; 01 chiếc giá đựng bát inox trị giá 200.000 đồng; 160 cây tre hóp đá trị giá 3.040.000 đồng; 03 chiếc đèn pin trị giá 90.000 đồng; 01 chiếc bếp hồng ngoại trị giá 200.000 đồng; 02 chiếc chăn bông trị giá 100.000 đồng; 02 chiếc xoong inox trị giá 100.000 đồng; 02 chiếc chiếu cói trị giá 60.000 đồng. Tổng số tài sản bị thiệt hại có giá trị 12.900.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn S, Phạm Ngọc T và Đặng Xuân Đ khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Đối với Trần Minh H: Quá trình điều tra, H đã bỏ trốn hiện không có mặt ở địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì đã ra lệnh truy nã nhưng đến nay chưa bắt được H, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần hồ sơ, tài liệu liên quan đến Trần Minh H để khi nào bắt được H sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với anh Phạm Hữu D và anh Phạm Văn N: các anh đều không hứa và không liên quan đến việc S, Đ, T, H đốt lều trên; anh Phạm Văn Q (tức C) khi cho T xăng không biết T dùng số xăng này để đốt lều. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý với những người này.

Về dân sự: Phạm Văn S cùng với T, Đ tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T số tiền 12.900.000 đồng, Ông K và T đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Bản cáo trạng số 195/CT - VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Phạm Ngọc T và Đặng

Xuân Đ về tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 143 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo S, T, Đ đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều có khó khăn.

Đối với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo T nhận của S bị cáo đã đưa cho H, do H bỏ trốn và cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan để xử lý sau nên các bị cáo T, Đ tự nguyện truy nộp sung công số tiền này, mỗi bị cáo nộp 250.000 đồng.

- Người bị hại là ông Nguyễn Văn K xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho ông và ông Nguyễn Đức T toàn bộ số tiền thiệt hại giá trị tài sản là 12.900.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS đối với bị cáo Phạm Ngọc T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143 ; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 đối các bị cáo Phạm Văn S và Đặng Xuân Đ.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn S** từ **26 đến 32 tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 52 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T** từ **24 đến 28 tháng tù**.

Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân Đ** **24 tháng tù 30 tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Do các bị cáo đều làm nghề tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho các bị cáo T, Đ tự nguyện truy nộp sung công số tiền 500.000 đồng do bị cáo S đưa cho T.

Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T số tiền thiệt hại giá trị tài sản 12.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa; Phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng, lời khai của người bị hại. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 28/5/2017 tại trang trại của ông Nguyễn Văn K ở xã Y, huyện T, Hà Nội, Phạm Văn S, Phạm Ngọc T, Đặng Xuân Đ đã có hành vi dùng xăng đốt cháy căn lều và các tài sản trong lều của ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 12.900.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo dùng xăng đốt cháy toàn bộ căn lều và các tài sản có trong lều đã làm thiệt hại toàn bộ tài sản của người bị hại, không thể khôi phục lại được nên đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Dùng chất nổ, chất cháy hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Phạm Văn S là người khởi xướng và đưa ra điều kiện vật chất để thúc đẩy Phạm Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao nhất trong vụ án; đối với bị cáo Phạm Ngọc T vì cần tiền nên đã rủ rê người khác cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội và tích cực tham gia nên có vai trò sau bị cáo S; Bị cáo Đặng Xuân Đ khi được Thành rủ rê đã tích cực tham gia đốt lều cùng với bị cáo T và H nên có vai trò giúp sức cho bị cáo T, vai trò thấp nhất.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn S đã tự nguyện đồng thời đại diện cho T, Đ bồi thường thiệt hại cho người bị hại là ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T toàn bộ số tiền 12.900.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

- Tại phiên tòa các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Ngoài ra, người bị hại là ông Nguyễn Văn K có mặt tại phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Sau khi xem xét toàn diện về hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Phạm Ngọc T nghiện ma túy, có 01 tiền sự về cai nghiện bắt buộc năm 2010, đến năm 2016 lại tiếp tục cai nghiện tự nguyện thể hiện bị cáo có nhân thân xấu đã được pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không có tiến bộ. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo Phạm Văn S và Đặng Xuân Đ đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ mục 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, quản lý giáo dục các bị cáo để trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về số tiền 500.000 đồng bị cáo T nhận của bị cáo S sau đó đưa cho H đây là tiền thu lời bất chính nên cần buộc các bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước. Tại phiên tòa, các bị cáo T, Đ tự nguyện mỗi bị cáo nộp 250.000 đồng truy nộp sung công nên chấp nhận.

Về dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T toàn bộ số tiền thiệt hại giá trị tài sản là 12.900.000 đồng.

Đối với Trần Minh H: Quá trình điều tra, H đã bỏ trốn hiện không có mặt ở địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã ra lệnh truy nã nhưng đến nay chưa bắt được H, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần hồ

sơ, tài liệu liên quan đến Trần Minh H để khi nào bắt được H sẽ xem xét xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo được kháng cáo bản án theo Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Văn S, Phạm Ngọc T, Đặng Xuân Đ** phạm tội “**Hủy hoại tài sản**”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS đối với các bị cáo: Phạm Văn S, Phạm Ngọc T và Đặng Xuân Đ; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo S và Đ ; Điều 33 BLHS đối với bị cáo T.

*Xử phạt bị cáo **Phạm Văn S 30 (ba mươi)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án.*

*Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T 28 (hai mươi tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.*

*Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân Đ 24 (hai mươi tư)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án.*

Giao các bị cáo Phạm Văn S và Đặng Xuân Đ cho UBND xã D, huyện T, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về dân sự : Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Phạm Văn S, Phạm Ngọc T, Đặng Xuân Đ đã tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đức T số tiền 12.900.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T và Đặng Xuân Đ phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng, mỗi bị cáo phải truy nộp 250.000 đồng.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương